

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25/5/ 2018

V/v “Tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Võ Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng; Cán bộ hưu trí;
Ông Nguyễn Đình Hùng; Cán bộ hưu trí;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quân – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang; Địa chỉ: Thôn Dương Lâm 1, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn Nhân – Gia Đình sơ thẩm thụ lý số 300/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Lương Thị Hồng T; sinh năm 1990; Trú tại: tổ 51, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; (có mặt)

***Bị đơn:** Ông Lê Kỳ Đ; sinh năm 1990; Trú tại: thôn Túy Loan Tây 2, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại bản tự khai, các biên bản hoà giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Bà Lương Thị Hồng T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Hồng T và ông Lê Kỳ Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân là do tính tình tình quan điểm sống không hợp, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát nhau. Ông Đ

hay ghen tuông vô cớ, đánh đập vợ, con, không chăm lo gia đình và chia sẻ công việc với vợ.

Mục đích hôn nhân của hai vợ chồng bà không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Cho nên, bà T đề nghị Tòa án cho bà ly hôn đối với ông Lê Kỳ Đ.

Về con chung: Bà Lương Thị Hồng T xác định vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Lê Kỳ Tài; sinh ngày 06.8.2012.

Ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi 01 con chung và yêu cầu ông Lê Kỳ Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà Lương Thị Hồng T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lương Thị Hồng T xác định vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa ông Lê Kỳ Đ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chứng tỏ ông Lê Kỳ Đ không tha thiết bảo vệ hạnh phúc của mình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: HĐXX đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tài sản chung khi ly hôn của bà Lương Thị Hồng T thì Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX căn cứ điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của bà T; xử cho bà Lương Thị Hồng T được ly hôn với ông Lê Kỳ Đ;

Về con chung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX căn cứ điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận giao con chung là cháu Lê Kỳ Tài cho bà Lương Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà T và buộc ông Lê Kỳ Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Lê Kỳ Tài đủ 18 tuổi. thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu xin ly hôn của bà Lương Thị Hồng T Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang được quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay ông Lê Kỳ Đ đã được tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nên HĐXX căn cứ khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Kỳ Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Hồng T và ông Lê Kỳ Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ..

Mâu thuẫn của vợ chồng ông bà là do tính tình và quan điểm sống không hợp. ông Đ thường xuyên gây gỗ đánh đập bà T, không quan tâm đến vợ con. Qua các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân trên thực tế nơi hai vợ chồng ông bà sinh sống cũng xác định tình trạng trầm trọng của đời sống hôn nhân của vợ chồng ông Đ và bà T.

Từ những chứng cứ trên HĐXX xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà T là đủ cơ sở để chứng minh đời sống vợ chồng bà đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn hạnh phúc. HĐXX xét thấy cần chấp nhận đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn với ông Lê Kỳ Đ là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Lương Thị Hồng T và ông Lê Kỳ Đ có 01 con chung là cháu Lê Kỳ Tài; sinh ngày ngày 06/8/2012.

Ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông Lê Kỳ Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 tháng.

Trong quá trình tòa án tiến hành tố tụng thì đã nhiều lần triệu tập ông Đ cung cấp chứng cứ và hòa giải để bảo vệ quyền và lợi ích của mình nhưng ông không đến. chứng tỏ ông không tha thiết bảo vệ hạnh phúc của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX căn cứ điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận giao con chung là cháu Lê Kỳ Tài; sinh ngày ngày 06/8/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông Lê Kỳ Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát là phù hợp với quy định của Pháp luật và đảm bảo sự phát triển của cháu Lê Kỳ Tài.

Về tài sản chung: Bà Lương Thị Hồng T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lương Thị Hồng T xác định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về án phí: - Án phí HNGĐ là 300.000đ bà Lương Thị Hồng T phải chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Lê Kỳ Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân;

Xử: Bà Lương Thị Hồng T được ly hôn đối với ông Lê Kỳ Đ.

2. Về quan hệ con chung:

Xử: Giao con chung là cháu Lê Kỳ Tài – sinh ngày 06/8/2012 cho bà Lương Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Kỳ Tài đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng:

Xử: Buộc ông Lê Kỳ Đ phải cấp dưỡng cho bà Lương Thị Hồng T nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 tháng/ 01 con chung.

Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Kỳ Tài đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Bên không trực tiếp nuôi con chung vẫn có đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bà Lương Thị Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lê Kỳ Đ còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà Lương Thị Hồng T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 006231 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; bà Lương Thị Hồng T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng ông Lê Kỳ Đ phải chịu là 300.000 đồng

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trở lời hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.